

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 9,500 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 1.4% | 0.1% | 9.4% |

| | |
|-----------------------|----------------|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 3,650 - 12,950 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 393 |
| Số lượng CPLH (CP) | 41,406,844 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 268,955 |
| Sở hữu nước ngoài | 2.0% |
| Beta | 1.58 |
| EPS | 1,650 |
| P/E | 5.8 |

DT thuần

Q1/24

4.11

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.76| -15.7%

YoY: ▲ 0.08| 1.9%

LN trước thuế

Q1/24

7.16

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.6| 124%

YoY: ▲ 43.7| 120%

LN sau thuế

Q1/24

6.26

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 31.2| 125%

YoY: ▲ 43.1| 117%

ROA

2023

2.7%

+/- YoY: ▲ 5.1%

DT thuần

2023

132

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 81.3| 159%

LN trước thuế

2023

27.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 59.0| 190%

LN sau thuế

2023

25.7

tỷ VNĐ

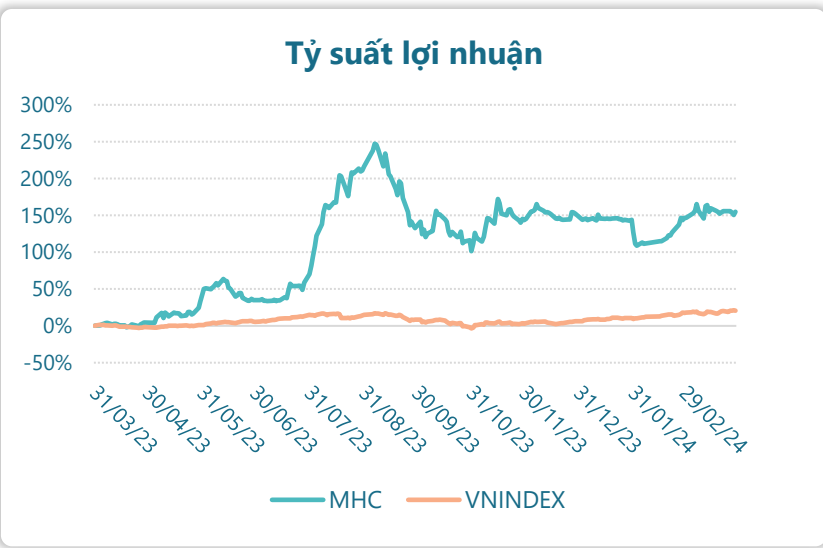
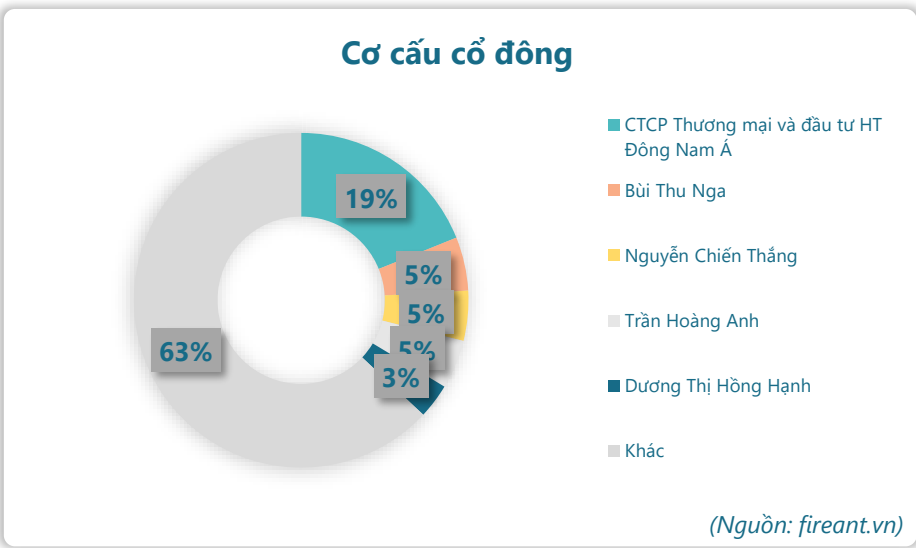
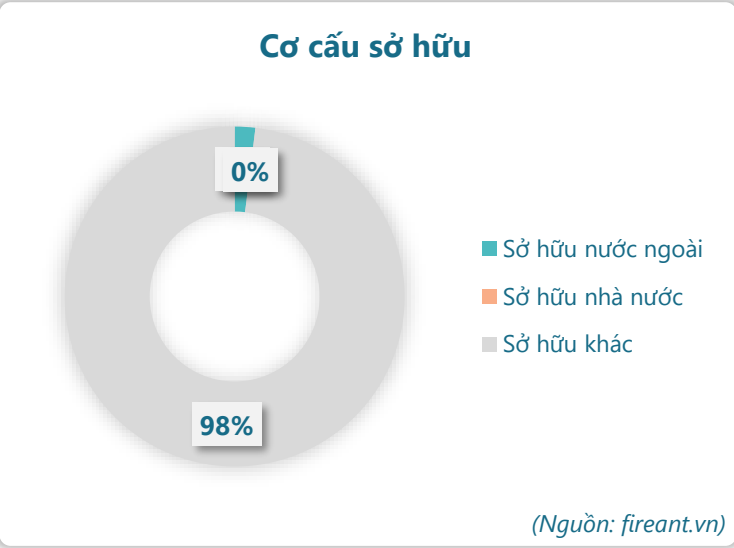
YoY: ▲ 56.5| 183%

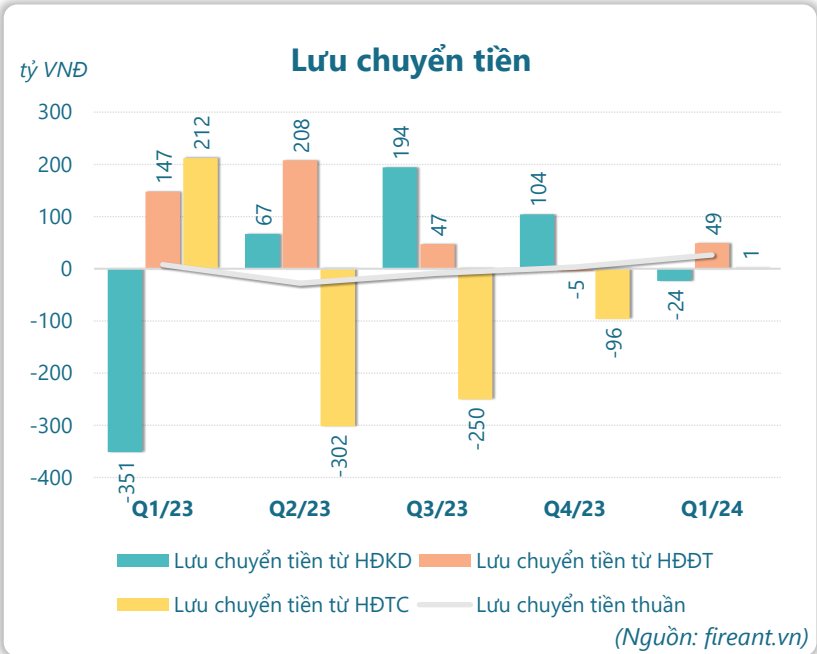
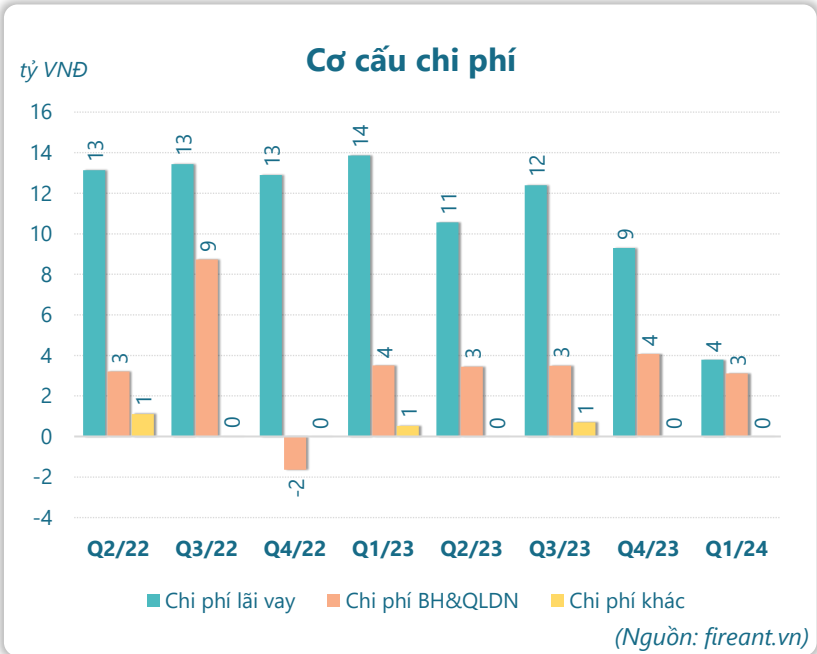
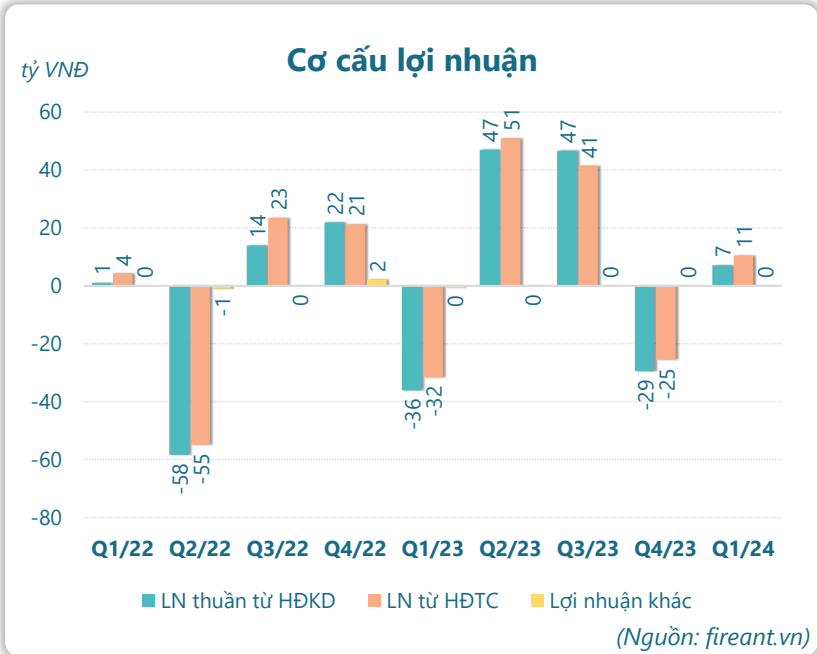
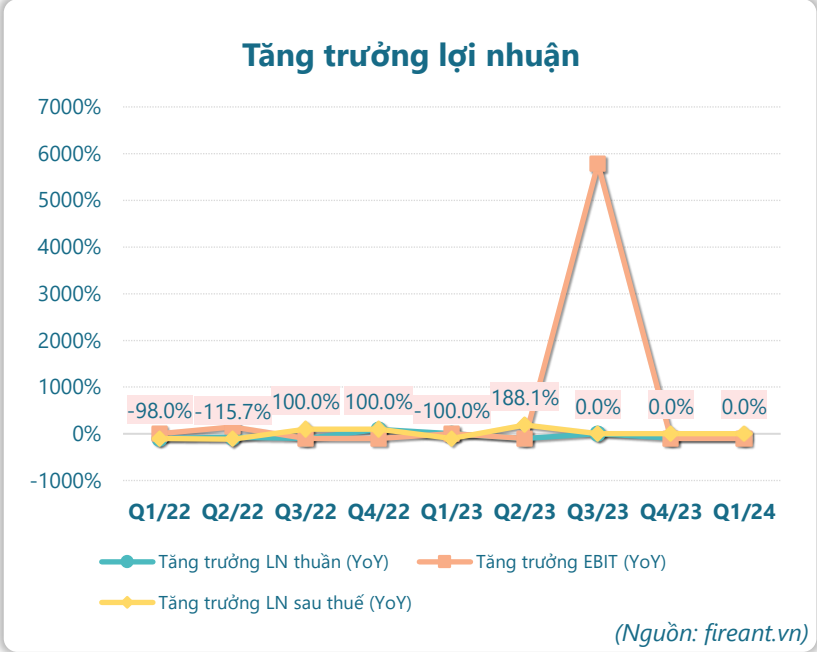
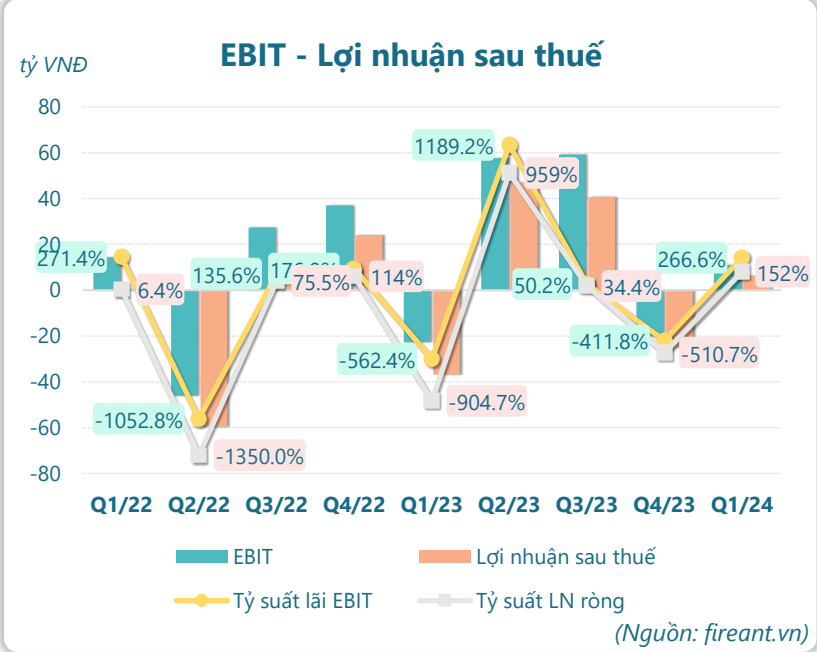
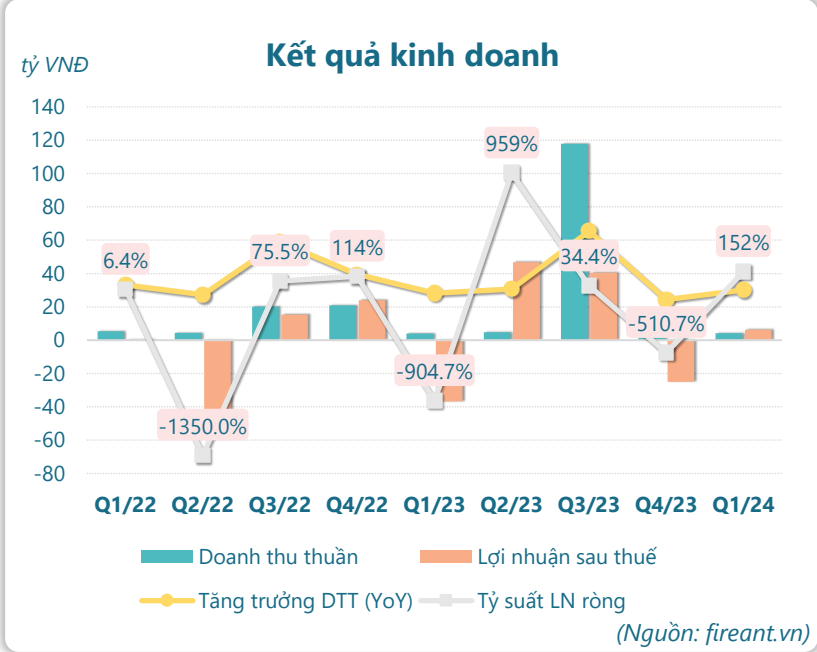
ROE

2023

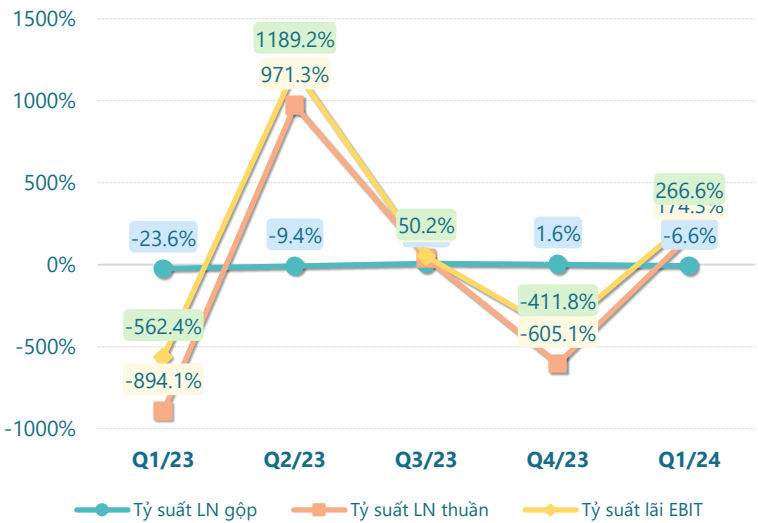
4.8%

+/- YoY: ▲ 10.5%



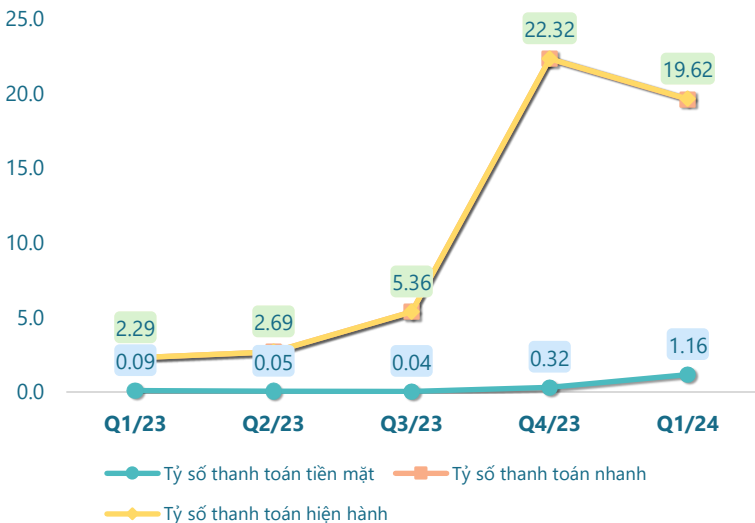


Tỷ suất lợi nhuận



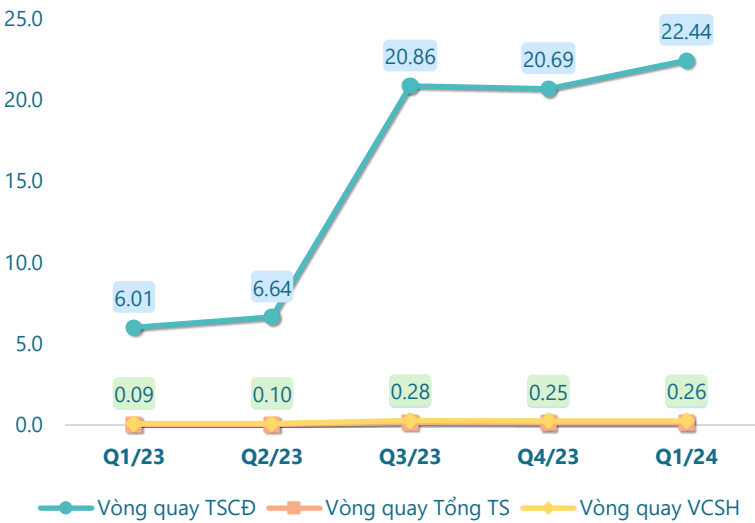
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



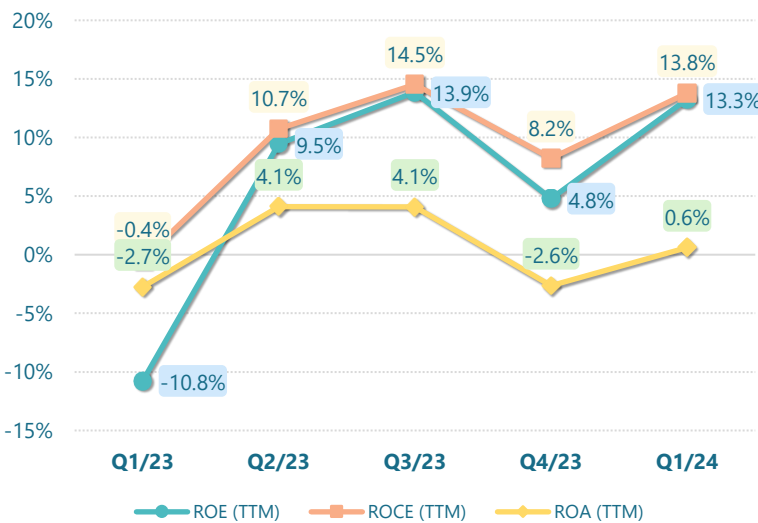
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



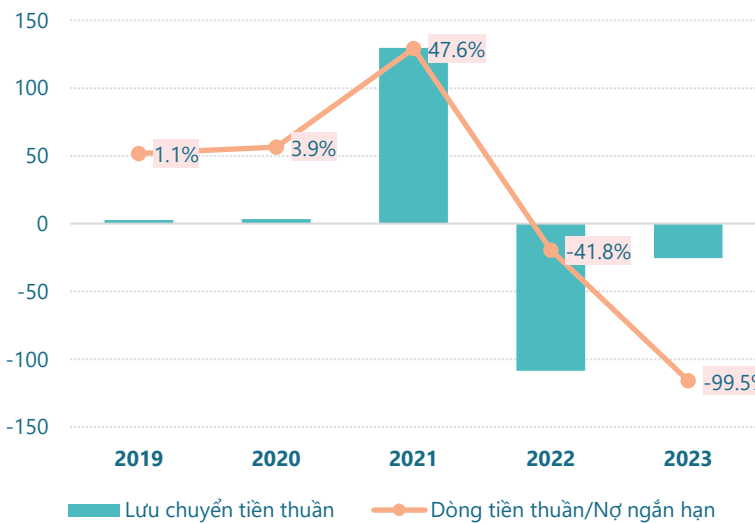
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



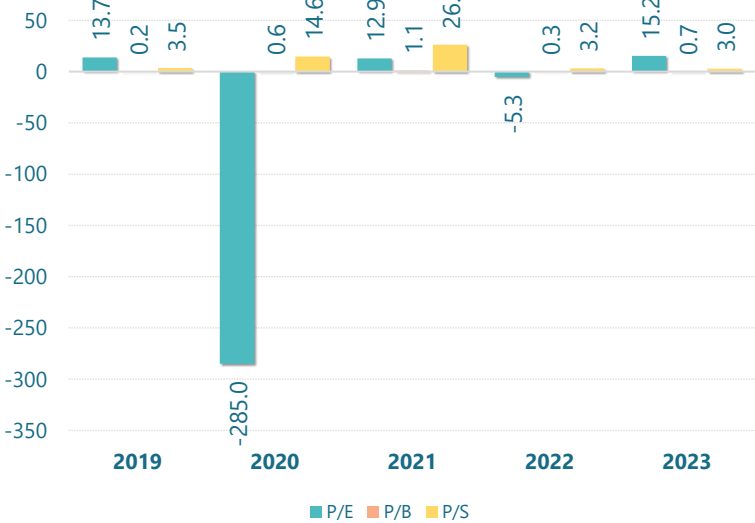
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)